

Bản án số: 143/2019/HSPT

Ngày: 07/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Lộc

Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Châu, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ái Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (Số 11 Tôn Đức Thắng, Huế) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hoài N; do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hoài N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị Hoài N** (tên gọi khác: N1), sinh ngày 16/8/1984 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Số nhà 13 kiệt 17 đường Bảo Q, phường Phường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu T, con bà: Đặng Thị G; có 02 con, lớn nhất 13 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Hoài N và chị Nguyễn Thị Kim C có quen biết nhau. Bị cáo N thường hay mượn tiền của chị C để phục vụ nhu cầu cuộc sống. Cuối năm 2016, do cần phương tiện để đi lại nên N gọi điện thoại cho chị C hỏi thuê một xe mô tô. Do tin tưởng nên chị C đồng ý cho N thuê xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 75F1-442.10 với thỏa thuận thuê xe mỗi ngày là 80.000 đồng. Chị C nói bị cáo N đến nhà gặp chồng của chị C là anh Võ Văn H để nhận xe. Khi thuê xe, hai bên không viết giấy tờ gì. Sử dụng xe được một thời gian, do cần tiền nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. Vào một ngày trong tháng 03 năm 2017, bị cáo N nhờ em trai là Nguyễn Hữu Q chỉ chỗ cầm xe. Q giới thiệu anh Hoàng Thanh N2 cho bị cáo N. Thời điểm này, anh N2 đang là nhân viên

quản lý của cơ sở cầm đồ Ánh T. Chủ cơ sở này là anh Võ Trà M. Qua trao đổi, tin tưởng nguồn gốc xe nên anh Hoàng Thanh N2 tự mình nhận cầm cố chiếc xe Airblade nói trên với giá 12.000.000 đồng, nhưng chỉ đưa cho bị cáo N 10.800.000 đồng (trừ đi 1.200.000 đồng tiền lãi), thời gian cầm cố là 01 tháng. Số tiền nhận được bị cáo N chỉ tiêu cá nhân hết.

Đến hạn, do chưa có tiền để chuộc lại xe mô tô trên nên bị cáo N phải trả thêm cho anh Hoàng Thanh N2 số tiền gia hạn cầm cố mỗi tháng khoảng 800.000 đồng. Việc giao nhận tiền bị cáo N thực hiện bằng cách đưa trực tiếp hoặc chuyển tiền vào tài khoản 040014422961 của anh N2 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Sau một thời gian không thấy bị cáo N sử dụng xe mô tô biển số 75F1-442.10 nên chị Nguyễn Thị Kim C gọi điện thoại hỏi bị cáo N thì N thừa nhận đã tự ý đưa xe đi cầm cố và hứa chuộc lại xe để trả cho chị C. Đến ngày 21/4/2018, thấy bị cáo N vẫn chưa trả xe nên anh Võ Văn H viết đơn trình báo gửi cơ quan chức năng.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra đã ra thông báo và tiến hành truy tìm nhưng chưa thu được xe mô tô biển số 75F1-442.10.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 326/KL-HĐĐG ngày 27/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế (định giá qua hồ sơ) xác định: Trị giá xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 75F1-442.10, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 32.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HSST ngày 21/5/2019 Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hoài N phạm tội: *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoài N 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo N phải tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim C, anh Võ Văn H số tiền 27.000.000 đồng theo phương thức và thời hạn sau: Thời hạn trả tiền là 18 tháng, mỗi tháng trả 1.550.000 đồng. Thời điểm thanh toán vào ngày 21 hàng tháng, bắt đầu kể từ ngày 21/6/2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/6/2019, bị cáo Nguyễn Thị Hoài N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin được hưởng án treo để chăm sóc gia đình và khắc phục bồi thường cho người bị hại.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân có quan điểm về tính hợp pháp của kháng cáo và đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự chấp nhận kháng

cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hoài N, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo

Bị cáo Nguyễn Thị Hoài N có ý kiến trình bày như sau: Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, chồng đã ly hôn, một mình bị cáo đang nuôi hai con trong đó có một cháu 01 tuổi và một cháu bị thần kinh chậm phát triển, năm nay đã 13 tuổi nhưng chỉ học lớp 3 có xác nhận của trường tiểu học Thuận Thành; đồng thời bị cáo đã bồi thường thêm cho người bị hại số tiền 10.300.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hoài N nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm như sau:

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Hoài N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Vào cuối năm 2016, bị cáo Nguyễn Thị Hoài N có thuê của chị Nguyễn Thị Kim C một chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 75F1-442.10. Đến tháng 3 năm 2017, bị cáo N đã đưa xe đến cầm cố cho anh Hoàng Thanh N2 lấy số tiền 10.800.000 đồng. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 326/KL-HĐ ĐG ngày 27/8/2018 của Hội đồng định giá trong Tố tụng Hình sự UBND thành phố Huế đã kết luận chiếc xe trên có trị giá 32.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo N nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của họ, nên đã phạm vào tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do hành vi của bị cáo phạm tội trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật, nên Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kết án bị cáo Nguyễn Thị Hoài N về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hoài N thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo hộ, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân dẫn đến việc phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân của bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 08 tháng tù là phù hợp với mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng theo phiếu kết quả siêu âm ngày 02/8/2018 thì bị cáo đang mang thai 31 tuần; và theo Giấy khai sinh thì con của bị cáo là Nguyễn Chí T sinh ngày 28/9/2018. Như vậy, bị cáo có thai trước khi xét xử sơ thẩm, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là thiếu sót. Do đó, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trên cho bị cáo. Ngoài ra, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc

thảm, bị cáo đã bồi thường thêm cho người bị hại số tiền 10.300.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ mới thể hiện ý chí của bị cáo mong muốn khắc phục, bồi thường thiệt hại. Xét thấy, bị cáo hiện đang nuôi nhỏ dưới 36 tháng tuổi, đồng thời theo xác nhận của trường tiểu học Thuận Thành, thành phố Huế thì bị cáo có con 14 tuổi đang bị bệnh thần kinh, chậm phát triển cần phải có người chăm sóc; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi ở ổn định và có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền đại phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo theo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là thỏa đáng. Do đó, căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của cấp sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo đã bồi thường thêm cho người bị hại số tiền 10.300.000 đồng, nên cần phải sửa lại phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm cho phù hợp như sau: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo N phải tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim C, anh Võ Văn H số tiền 16.700.000 đồng theo phương thức và thời hạn sau: mỗi tháng trả 1.550.000 đồng, thời điểm thanh toán vào ngày 21 hàng tháng, bắt đầu kể từ ngày 21/6/2019.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa phần trách nhiệm dân sự, nên sửa lại án phí dân sự sơ thẩm như sau: Buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $(16.700.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 835.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm b, i, n, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoài N 08 (tám) tháng tù về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hoài N cho Ủy ban nhân dân phường Phường Đức, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hoài N phải tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim C, anh Võ Văn H số tiền 16.700.000 đồng (*mười sáu triệu bảy trăm ngàn đồng*) theo phương thức và thời hạn sau: Mỗi tháng trả 1.550.000 đồng, thời điểm thanh toán vào ngày 21 hàng tháng, bắt đầu kể từ ngày 21/6/2019.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Hoài N không phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Hoài N phải chịu 835.000 đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND thành phố Huế ;
- VKSND thành phố Huế;
- Công an thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, Toà HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Cao Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các Thẩm phán Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Cao Sơn